

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I	Đặc tính kỹ thuật		
1	Toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của E-HSMT	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (hãng sản xuất), đáp ứng tất cả các yêu cầu về kỹ thuật cơ bản/tối thiểu tại Mục 1.2 Yêu cầu về kỹ thuật, Chương V, Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.	Không Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (hãng sản xuất), đáp ứng tất cả các yêu cầu về kỹ thuật cơ bản/tối thiểu tại Mục 1.2 Yêu cầu về kỹ thuật, Chương V, Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.
2	Quy cách, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất bao gồm: chất liệu vải, màu sắc ... các phụ kiện kèm theo	Có bản thuyết minh chi tiết đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa và tiêu chuẩn sản xuất tương ứng, nhằm chứng minh hàng hóa chào thầu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu tại E-HSMT. Bản thuyết minh phải thể hiện rõ các nội dung: Tên hàng hóa, chủng loại, thành phần chất liệu, định lượng, màu sắc,...	Không có bản thuyết minh đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất đáp ứng với yêu cầu của E- HSMT
3	Chất lượng vải	Chất lượng vải chào thầu phải đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu kỹ thuật được nêu trong E-HSMT. Nhà thầu phải cung cấp kèm theo hồ sơ dự thầu: Kết quả kiểm nghiệm cơ lý và thành phần chất liệu vải, do tổ chức kiểm định/kiểm nghiệm có năng lực cấp, được công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 hoặc tổ chức có thẩm quyền theo quy định pháp luật Việt Nam. – Phiếu kiểm nghiệm phải thể hiện rõ: loại vải, mẫu thử, chỉ tiêu kỹ thuật được	Không cung cấp phiếu kiểm nghiệm dệt may(Bản scan hoặc sao y chứng thực và đối chiếu bản chính nếu chủ đầu tư có yêu cầu) thể hiện đúng tên vải, màu sắc và phải đạt tiêu chuẩn theo phương pháp thử nghiệm do các Trung tâm thí nghiệm thuộc phân viện dệt may tại Việt Nam cấp của loại vải theo yêu cầu Chương V. - Phiếu kiểm nghiệm không phải được cấp từ năm 2024 trở về sau tính đến thời điểm đóng thầu.

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
		đo lường và kết quả cụ thể, phù hợp với nội dung mô tả trong E-HSMT. - Phiếu kiểm nghiệm phải được cấp từ năm 2024 trở về sau tính đến thời điểm đóng thầu.	
II	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa		
1	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa phù hợp	Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa phù hợp
2	Biện pháp sản xuất, tổ chức cung cấp hàng hóa	Có bản thuyết minh biện pháp sản xuất, tổ chức cung cấp hàng hóa phù hợp với tiến độ cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT.	Không có bản thuyết minh biện pháp sản xuất, tổ chức cung cấp hàng hóa phù hợp với tiến độ cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT.
3	Phương tiện và nhân lực thực hiện	Có cam kết huy động đầy đủ nhân sự phù hợp, phương tiện đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Không có cam kết huy động đầy đủ nhân sự phù hợp, phương tiện đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
4	Năng lực sản xuất kinh doanh	- Nhà thầu phải có chứng nhận ISO 9001:2015 hệ thống quản lý chất lượng trong lĩnh vực may mặc còn hiệu lực - Giấy chứng nhận 14001:2015 hệ thống quản lý về môi trường trong lĩnh vực may mặc còn hiệu lực - Các sản phẩm kinh doanh được chứng nhận: + Phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2017/BCT đối với các sản phẩm dệt may.	Không đáp ứng yêu cầu hoặc đáp ứng nhưng không đầy đủ.
III	Thời gian thực hiện hợp đồng		

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	Thời gian thực hiện hợp đồng	≤ (60 ngày) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	> (60 ngày) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
IV	Bảo hành		
	Yêu cầu về bảo hành	Nhà thầu có cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo hành, có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, sửa chữa, cung cấp phụ kiện thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư	Nhà thầu không có cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo hành, có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, sửa chữa, cung cấp phụ kiện thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư
V	UY TÍN NHÀ THẦU		
	Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao và chất lượng hàng hóa đã sử dụng	Có cam kết đáp ứng yêu cầu về Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Không đáp ứng được yêu cầu trên hoặc có cam kết nhưng trong quá trình đánh giá Chủ đầu tư/Bên mời thầu phát hiện nhà thầu vi phạm một trong các yêu cầu trên
Kết luận		Đạt tất cả các yêu cầu nêu trên	Có một nội dung không đạt
		Đạt	Không đạt

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ

chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.

- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;

- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;

- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);

- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;

- Tiến độ cung cấp hàng hóa;

- Yếu tố thân thiện môi trường;

- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

- Các yếu tố cần thiết khác.

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Đối với gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao, mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật từ 80% đến 90% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j = \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”

n = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt²:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất³:

² Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

³ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- *Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:*

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- *Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:*

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.